TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/3/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST – HNGĐ ngày 16/01/2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 08/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1963.
Địa chỉ thường trú: Ấp BS, xã XB, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
Hiện cư trú tại: Nhà hàng BĐ, tổ A, khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Lữ Thị Minh Y, sinh năm 1989.
Địa chỉ: B, ấp SQ, xã CĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Ông D, bà Y có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, ông Phạm Văn D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lữ Thị Minh Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông và bà Y phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông xin ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 24/9/2012. Ông đồng ý giao cháu H cho bà Y nuôi dưỡng, bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nên ông đồng ý.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

**** Bị đơn, bà Lữ Thị Minh Y trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Phạm Văn D quen biết với nhau từ năm 2011 và có nảy sinh tình cảm, quan hệ trai gái. Khi đó, ông D nói chưa có gia đình nên hai bên tiến tới tìm hiểu và có với nhau 01 đứa con. Sau một thời gian, bà phát hiện ông D đã có gia đình và những mối quan hệ phức tạp nên bà và ông D chấm dứt quan hệ tình cảm ngoài luồng. Từ khi có thai đến nay, bà và ông D không sống chung với nhau.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 24/9/2012. Bà có nguyện vọng xin tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông D, bà Y được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được xác định là hôn nhân hợp pháp. Khi có yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án không công nhận ông Phạm Văn D và bà Lữ Thị Minh Y là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 24/9/2012. Đề nghị giao cháu H cho bà Y nuôi dưỡng, tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Ngày 15/01/2019, ông Phạm Văn D có đơn khởi kiện xin được ly hôn với bà Lữ Thị Minh Y. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn".

- Thẩm quyền giải quyết: Bà Lữ Thị Minh Y là bị đơn trong vụ án có địa chỉ thường trú tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn ông Phạm Văn D, bị đơn bà Lữ Thị Minh Y có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn D và bà Lữ Thị Minh Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của ông D và bà Y đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

Ông D và bà Y sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên không được pháp luật thừa nhận. Nay, ông D có đơn xin ly hôn, Tòa án không công nhận ông Phạm Văn D và bà Lữ Thị Minh Y là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 24/9/2012. Các bên thống nhất giao cháu H cho bà Y chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ- ST: ông D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220; khoản 1 Điều 228; Điều 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 11, 63, 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận ông Phạm Văn D và bà Lữ Thị Minh Y là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 24/9/2012. Giao cháu H cho bà Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: ông D phải nộp 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0001120 ngày 15/01/2019.

Ông D, bà Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung